

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HSST

Ngày: 13-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Đại Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Nguyễn K (tên gọi khác: P, Hai L), sinh năm 1989 tại tỉnh Phú Yên; HKTT: 02 L, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Cha: Lê Thanh K1, sinh năm 1953 và mẹ: Nguyễn Thị Y (Chết); Vợ: Cao Thị Kim O, sinh năm 1989 và Huỳnh Thị Thanh P1, sinh năm 1991 (đều đã ly hôn); Có 02 con, sinh năm 2007 và sinh năm 2010; Tiền sự: không;

Tiền án:

- Ngày 14/3/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 23/2008/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2009.

- Ngày 23/8/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 90/2010/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/01/2014.

- Ngày 28/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 05/2015/HSST).

- Ngày 17/4/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 44/2015/HSST). Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2015/HSST là 06 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2020.

- Ngày 20/12/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (Bản án số 227/2021/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/9/2024.

Nhân thân:

- Ngày 17/6/2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử lý hành chính đưa vào trường G thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 06/9/2005, bị Công an phường F, thành phố T, tỉnh Phú Yên phạt hành chính, phạt tiền 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 09/9/2005, bị Công an phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên phạt hành chính, phạt tiền 100.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 10/5/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/10/2024. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Nguyễn Đăng L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: 2 L, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1951; Địa chỉ: A T, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: B N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Lê Đình S, sinh năm 1987; Địa chỉ: A T, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ Trần Thị Huyền T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: D N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/9/2024, Lê Nguyễn K điều khiển xe mô tô biển số 78C1-617.89 (xe của bà Nguyễn Thị H1) đến Cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thanh T ở địa chỉ B N, phường B, thành phố T lên lút lấy trộm 02 thùng bia Heineken Silver, rồi đem đến Cửa hàng tạp hóa của chị Trần Thị Huyền T1 ở địa chỉ D N, phường B, thành phố T bán 01 thùng bia lấy số tiền 400.000 đồng, còn lại 01 thùng K để sử dụng uống.

Khoảng 12 giờ ngày 23/9/2024, K điều khiển xe mô tô 78C1-617.89 đến Cửa hàng điện dân dụng của anh Lê Đình S ở địa chỉ A T, Phường G, thành phố T lên lút lấy trộm 01 máy cắt cầm tay, rồi đem đến đường L, thành phố T bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch lấy số tiền 200.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 30 phút 25/9/2024, K điều khiển xe mô tô 78C1-617.89 đến nhà bà Nguyễn Thị H ở địa chỉ A T, phường C (nay là phường E), thành phố T lên

lút lấy trộm 01 máy tính bảng nhãn hiệu S1, rồi đem đến Cửa hàng điện thoại di động của anh Nguyễn Văn T2 ở địa chỉ B T, phường G, thành phố T bán lấy số tiền 600.000 đồng.

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/10/2024, K điều khiển xe mô tô 78C1-617.89 đến số nhà S T, phường A, thành phố T lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 của anh Nguyễn Đăng L1, đem bán cho anh Nguyễn Văn T2 lấy số tiền 1.200.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 82/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: 02 thùng bia Heineken Silver trị giá 885.000 đồng, 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu Makita trị giá 1.225.000 đồng, 01 máy tính bảng nhãn hiệu S1 Tab A9 trị giá 950.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 trị giá 1.200.000 đồng.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTH ngày 07/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Lê Nguyễn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn K phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/10/2024; Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã được bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 01 chiếc xe mô tô biển số 78C1-617.89 nhãn hiệu Yamaha Janus và 01 giấy đăng ký xe 78C1-617.89 đứng tên chủ xe Nguyễn Thị Dạ T3 vì bà H1 không biết bị cáo K dùng làm phương tiện phạm tội. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen của bị cáo K đề nghị HĐXX tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không trình bày tranh luận gì thêm.

Bị hại Nguyễn Đăng L1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Huyền T1, Nguyễn Văn T2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Tôi là di của bị cáo K, sau khi bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo K đã nhờ tôi bồi thường cho người bị hại tổng cộng 3.067.500 đồng. Đối với số tiền bồi thường này, tôi không yêu cầu bị cáo K phải trả lại. Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 78C1-617.89 nhãn hiệu Yamaha Janus, tôi không biết việc K dùng xe của tôi đi trộm cắp tài sản. Xe này đứng tên chủ xe Nguyễn Thị Dạ T3 là con ruột của tôi nhưng con tôi đã giao cho tôi sử dụng từ lâu. Vì xe này là phương tiện chính để tôi đi lại nên tôi xin HĐXX cho tôi được nhận lại xe.

Bị cáo K nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nguyễn K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 18/9/2024 đến ngày 12/10/2024 tại thành phố T, tỉnh Phú Yên, Lê Nguyễn K đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 thùng bia Heineken trị giá 885.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh T; 01 máy cắt cầm tay hiệu Makita trị giá 1.225.000 đồng của anh Lê Đình S; 01 máy tính bảng hiệu S1 A9 trị giá 950.000 đồng của bà Nguyễn Thị H và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 trị giá 1.200.000 đồng của anh Nguyễn Đăng L1. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt là 4.260.000 đồng. Bị cáo K đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo K có nhân thân xấu và 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân nhưng vì không có tiền tiêu xài cho cá nhân nên đã lợi dụng sự sơ hở của người khác mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 3.067.500 đồng mà bị cáo K tác động, nhờ bà H1 bồi thường cho những người bị hại, bà H1 không yêu cầu bị cáo K trả lại số tiền này nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 78C1-617.89 nhãn hiệu Yamaha Janus, xét thấy bà H1 không biết việc bị cáo K mượn xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần trả lại cho bà H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus biển số 78C1-617.89 và 01 giấy đăng ký xe 78C1-617.89 đứng tên chủ xe Nguyễn Thị Dạ T3.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen của bị cáo K, xét thấy cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với Nguyễn Văn T2 đã mua điện thoại di động S1 và máy tính bảng, chị Trần Thị Huyền T1 mua thùng bia Heineken nhưng khi mua không biết rõ tài sản do K phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm là có cơ sở nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Nguyễn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/10/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, đã được bồi thường và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bà Nguyễn Thị H1 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 78C1-617.89 nhãn hiệu Yamaha Janus và 01 (một) giấy đăng ký xe 78C1-617.89 đứng tên chủ xe Nguyễn Thị Dạ T3; Tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 màu đen của bị cáo Lê Nguyễn K để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố T với Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Nguyễn K phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Công an Tp. T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tân Sang